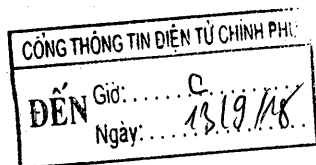


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì
công trình đường cao tốc**



Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015, được sửa đổi bổ sung bởi:

Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc;

Căn cứ Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.¹

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ quan quản lý đường cao tốc* là Tổng cục Đường bộ Việt Nam, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2.² *Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác, bảo trì công trình đường cao tốc* là doanh nghiệp dự án đối tác công tư (PPP) và doanh nghiệp được nhà nước giao đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình đường cao tốc (sau đây gọi chung là nhà đầu tư).

3. *Đơn vị được giao tổ chức khai thác, bảo trì công trình đường cao tốc* (sau đây gọi là đơn vị khai thác, bảo trì) là chủ thể trực tiếp thực hiện việc khai thác, bảo trì công trình đường cao tốc, được xác định trách nhiệm, nghĩa vụ và

¹ Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc như sau"

² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

quyền lợi thông qua hợp đồng với cơ quan quản lý đường cao tốc hoặc với nhà đầu tư.

4. *Tuần đường* là hoạt động tuần tra, kiểm tra hàng ngày để theo dõi tình hình thực hiện phương án tổ chức giao thông, an toàn giao thông, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường cao tốc của đơn vị khai thác, bảo trì và cá nhân thuộc đơn vị này khi được giao nhiệm vụ.

Điều 3. Yêu cầu về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc

1. Công trình đường cao tốc khi đưa vào khai thác, sử dụng phải được quản lý, khai thác và bảo trì theo quy định tại Luật Giao thông đường bộ, Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc (sau đây gọi tắt là Nghị định số 32/2014/NĐ-CP), Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP), Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 100/2013/NĐ-CP), Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 114/2010/NĐ-CP), Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 10/2013/NĐ-CP), các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và quy định tại Thông tư này.

2. Việc quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc phải thực hiện theo quy trình vận hành khai thác, quy trình bảo trì, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Quy trình vận hành khai thác, quy trình bảo trì công trình đường cao tốc được lập phù hợp với các bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình, loại công trình, cấp công trình và mục đích sử dụng công trình; được thể hiện rõ ràng, công khai bằng tiếng Việt trên giấy, đĩa từ hoặc các phương tiện khác.

Điều 4.³ (được bãi bỏ)

Chương II

QUẢN LÝ, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC

Điều 5. Nội dung công tác quản lý, khai thác công trình đường cao tốc

Lập, quản lý hồ sơ quản lý công trình đường cao tốc; công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác, tạm dừng khai thác; tổ chức giao thông trên

³ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

đường cao tốc; quản lý tài sản, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường cao tốc; thẩm định an toàn giao thông; quản lý thông tin trên đường cao tốc; tuần đường; xử lý tai nạn, sự cố trên đường cao tốc.

Điều 6.⁴ (được bãi bỏ)

Điều 7. Công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác

1. Trước khi đưa công trình đường cao tốc vào khai thác, chủ đầu tư, nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng hoặc cải tạo, nâng cấp công trình đường cao tốc tổ chức lập và gửi hồ sơ đề nghị đưa công trình đường cao tốc vào khai thác đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định cụ thể sau:

a) Bộ Giao thông vận tải công bố đối với đường cao tốc do Trung ương quản lý;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố đối với đường cao tốc do địa phương quản lý.

2. Hồ sơ đề nghị công bố đưa công trình cao tốc vào khai thác

Chủ đầu tư, nhà đầu tư gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị công bố đưa công trình vào khai thác trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết quy định tại khoản 1 Điều này. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo thẩm định an toàn giao thông (nếu thuộc dự án phải thẩm định an toàn giao thông);

c) Phương án tổ chức giao thông được duyệt.

3. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, phải có văn bản yêu cầu nhà đầu tư, chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, ra quyết định công bố đưa công trình vào khai thác. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý sử dụng vốn để thực hiện

⁴ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

hoạt động đầu tư xây dựng có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ đề nghị công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác theo quy định tại khoản 2 Điều này, trình Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định.

Điều 8. Tạm dừng khai thác đường cao tốc trong trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp xảy ra tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng hoặc sự cố công trình làm đường cao tốc không thể sử dụng một chiều hoặc cả hai chiều của tuyến đường cao tốc; không thể thực hiện phương án tổ chức giao thông bình thường, ảnh hưởng đến an toàn giao thông:

Đơn vị khai thác, bảo trì, nhà đầu tư thực hiện ngay phương án tổ chức giao thông đặc biệt, đồng thời báo cáo cơ quan quản lý đường cao tốc. Trường hợp tạm dừng khai thác đường cao tốc trên 24 giờ phải báo cáo và được Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chấp thuận.

2. Trường hợp tạm dừng khai thác đường cao tốc phục vụ yêu cầu quốc phòng, an ninh, đơn vị khai thác, bảo trì thực hiện tạm dừng khai thác và thực hiện phương án tổ chức giao thông đặc biệt đã được phê duyệt theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Nội dung phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc

Phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc bao gồm các nội dung sau:

1. Phương tiện được phép lưu thông trên đường cao tốc;
2. Điều kiện sử dụng các làn đường cao tốc khi: Lưu thông bình thường; chuyển làn; quay đầu phương tiện trong trường hợp khẩn cấp; đi qua các trạm thu phí, trạm kiểm tra tải trọng xe; gặp sự cố, tai nạn và trong những trường hợp đặc biệt;
3. Danh sách nút giao và các công trình đặc biệt;
4. Tốc độ lưu hành cho phép và khoảng cách an toàn giữa các xe;
5. Vị trí, thời gian và thời lượng chiếu sáng;
6. Tên, vị trí, lý trình và điều kiện sử dụng các trạm dừng nghỉ, nơi dừng, nơi đỗ xe, trạm thu phí và trạm kiểm soát tải trọng xe;
7. Quy định về cảnh báo an toàn giao thông khi thực hiện công việc quản lý, bảo trì;
8. Số điện thoại khẩn cấp;
9. Phương án cứu hộ, cứu nạn;
10. Các thông tin được cung cấp thông qua hệ thống giao thông thông minh: Vị trí các vụ tai nạn, sự cố, sự kiện, điều kiện thời tiết, công trường thi công, địa điểm đang hạn chế điều kiện khai thác, các vi phạm quy tắc giao thông, tư vấn hành trình và các nội dung khác;
11. Các thông tin khác: Hình thức, công nghệ thu phí; trạm kiểm tra tải trọng xe; tên và địa chỉ của các cơ quan, đơn vị liên quan đến quản lý, khai thác;

12. Phương án tổ chức giao thông đặc biệt.

Điều 10. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc

1. Lập, trình phương án tổ chức giao thông:

Chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư chịu trách nhiệm lập phương án tổ chức giao thông trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trước khi đưa công trình vào khai thác.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc:

a) Bộ Giao thông vận tải phê duyệt phương án tổ chức giao thông đối với đường cao tốc do Trung ương quản lý theo đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư sau khi có báo cáo thẩm định của Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt phương án tổ chức giao thông do địa phương quản lý sau khi có báo cáo thẩm định của cơ quan chuyên môn trực thuộc và ý kiến thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải.

3. Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án tổ chức giao thông

Chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư gửi 02 (hai) bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án tổ chức giao thông trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình phê duyệt (bản chính) theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Phương án tổ chức giao thông;

c) Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác, sử dụng.

4. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

Cơ quan có thẩm quyền giải quyết tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản yêu cầu nhà đầu tư, chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án tổ chức giao thông giao cơ quan quản lý đường cao tốc tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Sau khi có báo cáo thẩm định, nếu đủ điều kiện, ra quyết định phê duyệt phương án tổ chức giao thông trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án tổ

chức giao thông theo quy định tại khoản 3 Điều này, trình Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

Điều 11.⁵ (được bãi bỏ)

Điều 12. Tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường cao tốc

1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý đường cao tốc:

a)⁶ Tổ chức tuần kiểm đường cao tốc theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

b) Thực hiện các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường cao tốc theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện công tác phòng, chống và khắc phục lụt, bão theo quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan;

c) Kiểm tra, giám sát nhà đầu tư, đơn vị khai thác, bảo trì công trình đường cao tốc thực hiện các quy định hiện hành.

2.⁷ Trách nhiệm của nhà đầu tư, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác, bảo trì công trình đường cao tốc:

a) Kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng đường cao tốc của đơn vị khai thác, bảo trì;

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương ngăn chặn, xử lý các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 8, khoản 2 Điều 35 Luật Giao thông đường bộ và các hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

c) Thực hiện trách nhiệm như quy định đối với cơ quan quản lý đường cao tốc quy định tại điểm b khoản 1 Điều này đối với công trình đường cao tốc do mình quản lý. Đồng thời, có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý đường cao tốc kết quả quản lý, khai thác theo quy định;

d) Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ tuần đường; phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm kết cấu hạ tầng đường cao tốc.

3. Trách nhiệm của đơn vị khai thác, bảo trì:

a) Tổ chức tuần đường, kiểm tra và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường cao tốc;

⁵ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

b) Thực hiện các nội dung khác về quản lý và bảo vệ công trình đường cao tốc theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Thực hiện các nội dung về quản lý, bảo vệ công trình đường cao tốc theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quản lý công trình đường cao tốc và hợp đồng ký với cơ quan quản lý đường cao tốc, nhà đầu tư;

d) Thực hiện công tác phòng, chống và khắc phục lụt, bão theo quy định.

Điều 13. Tuần đường trên đường cao tốc

1. Trách nhiệm của đơn vị khai thác, bảo trì:

a) Lập kế hoạch tuần đường phù hợp điều kiện tuyến đường;

b) Thực hiện công tác tuần đường trên đường cao tốc theo đúng quy định;

c) Xử lý kịp thời các vi phạm, tai nạn, sự cố theo thẩm quyền;

d) Báo cáo cơ quan quản lý đường cao tốc, nhà đầu tư đường cao tốc và các cơ quan chức năng có liên quan và đề nghị giải quyết, hỗ trợ giải quyết các vi phạm, tai nạn, sự cố vượt quá thẩm quyền;

đ) Báo cáo kết quả thực hiện tuần đường, tình hình an toàn giao thông và tình hình vi phạm bảo vệ kết cấu hạ tầng đường cao tốc theo quy định.

2. Trách nhiệm của nhân viên tuần đường:

a) Phát hiện kịp thời tình trạng bất thường, sự cố của công trình đường cao tốc ảnh hưởng đến an toàn giao thông, các vi phạm quy định về an toàn giao thông, vi phạm phương án tổ chức giao thông, các tai nạn, sự cố giao thông và báo cáo kịp thời;

b) Đối với công trình đường cao tốc:

Thống kê, nắm rõ số lượng, vị trí, tình trạng chi tiết của công trình đường cao tốc trong đoạn tuyến được giao; kiểm tra thường xuyên để phát hiện hư hỏng, sự xâm hại công trình; báo cáo đơn vị khai thác, bảo trì đường cao tốc để có biện pháp xử lý kịp thời;

Trường hợp hư hỏng nhỏ, việc khắc phục không cần vật tư, thiết bị thì nhân viên tuần đường chủ động thực hiện hoặc yêu cầu công nhân bảo trì khắc phục ngay;

Trường hợp hư hỏng cần thiết có biện pháp báo hiệu cho người tham gia giao thông biết để kịp phòng tránh: tổ chức cảnh báo ngay khi phát hiện và đồng thời báo cáo đơn vị khai thác, bảo trì đường cao tốc để có biện pháp xử lý kịp thời.

c) Đối với giao thông trên đường cao tốc:

Phát hiện các vi phạm quy định về an toàn giao thông và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xử lý, khắc phục kịp thời;

Phát hiện các vị trí có nguy cơ xảy ra ùn, tắc giao thông; hướng dẫn giao thông và báo cáo ngay về đơn vị khai thác, bảo trì để giải quyết khắc phục đối với các trường hợp vượt thẩm quyền giải quyết;

Khi phát hiện tai nạn giao thông, báo cáo ngay các thông tin ban đầu về đơn vị khai thác, bảo trì để thông báo đến các đơn vị liên quan; tổ chức sơ, cấp cứu ban đầu và đề nghị vận chuyển người bị thương; bảo vệ hiện trường; tổ chức phân luồng giao thông trong khi lực lượng công an chưa có mặt tại hiện trường; bàn giao hiện trường và phối hợp hướng dẫn, điều hành giao thông;

Theo dõi việc thi công công trình trên đường cao tốc đang khai thác, yêu cầu nhà thầu thi công chấp hành phương án đảm bảo an toàn giao thông khi thi công; phát hiện và phối hợp xử lý đối với các hành vi gây mất an toàn giao thông theo thẩm quyền; báo cáo ngay cho về đơn vị khai thác, bảo trì để xử lý các trường hợp vượt quá thẩm quyền;

d) Công tác quản lý, bảo vệ phạm vi đất của đường cao tốc: phát hiện kịp thời, lập biên bản và báo cáo đơn vị khai thác, bảo trì đường cao tốc;

đ) Đối với hành lang an toàn đường cao tốc

Thống kê, nắm rõ hệ thống cọc mốc giải phóng mặt bằng, cọc mốc lộ giới, hiện trạng phạm vi hành lang an toàn đường cao tốc của đoạn tuyến được giao quản lý;

Phát hiện kịp thời hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường cao tốc; lập biên bản và báo cáo đơn vị khai thác, bảo trì đường cao tốc;

e) Ghi chép kết quả tuần đường vào sổ nhật ký tuần đường; bảo quản hồ sơ, tài liệu tuần đường.

3. Yêu cầu đối với nhân viên tuần đường:

a) Có trình độ chuyên môn từ trung cấp nghề chuyên ngành cầu, đường bộ; được đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ tuần đường trên đường cao tốc; được đào tạo về sơ cấp cứu; hiểu biết pháp luật, có khả năng tuyên truyền, hướng dẫn và giải thích pháp luật về giao thông đường bộ;

b) Khi thực hiện nhiệm vụ, nhân viên tuần đường phải được trang bị đồng phục có gắn vật liệu phản quang, có tên, phù hiệu của đơn vị khai thác bảo trì; phải đeo thẻ tên nhân viên tuần đường;

c) Đội tuần đường khi làm nhiệm vụ trên đường cao tốc có ít nhất hai người để bố trí một người thực hiện hành động cảnh báo trong khi người còn lại thực hiện các hoạt động nghiệp vụ.

4. Tuần đường trên đường cao tốc bằng xe ô tô, xe mô-tô chuyên dùng. Trên phương tiện tuần đường, ngoài các trang thiết bị chuyên dùng theo quy định, còn có trang thiết bị phục vụ sơ, cấp cứu ban đầu theo quy định của ngành y tế.

Điều 14. Tổ chức kiểm soát xe quá tải, quá khổ trên đường cao tốc

1. Xác định tải trọng xe trên đường cao tốc được thực hiện bằng thiết bị cân chuyên dùng. Kết quả kiểm tra tải trọng xe, tải trọng trục xe để xác định tình hình và mức độ vượt quá tải trọng phục vụ công tác quản lý và cung cấp cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

2. Kiểm tra khổ giới hạn xe trên đường cao tốc được thực hiện tại khu vực lối vào đường cao tốc bằng thiết bị chuyên dùng.

3. Xe vi phạm quy định về tải trọng, khổ giới hạn cầu, đường bắt buộc phải di chuyển ra ngoài phạm vi đường cao tốc để khắc phục vi phạm và bị xử lý theo quy định. Đơn vị khai thác, bảo trì có quyền từ chối phục vụ xe quá tải, quá khổ theo quy định đi vào đường cao tốc, đồng thời phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để xử lý kịp thời.

Điều 15. Thông tin cố định trên đường cao tốc

1. Thông tin cố định được cung cấp bằng hệ thống báo hiệu đường bộ trên đường cao tốc.

2. Quy định về hệ thống báo hiệu và việc bố trí lắp đặt trên đường cao tốc phải tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về biển báo hiệu trên đường cao tốc, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ và quy định của Bộ Giao thông vận tải.

3. Hệ thống báo hiệu đường bộ trên đường cao tốc phải tuân thủ phương án tổ chức giao thông của tuyến đường cao tốc được phê duyệt; cung cấp cho người tham gia giao thông các thông tin về: mạng lưới đường liên quan, hành trình, hướng đi ở các nút giao và chỗ ra vào đường cao tốc, cảnh báo đề phòng tai nạn, hệ thống dịch vụ dọc tuyến.

Điều 16. Thông tin thay đổi trên đường cao tốc

1. Thông tin thay đổi là những thông tin thay đổi theo thời gian thực, bao gồm: thời tiết, mật độ giao thông, tư vấn hành trình, thời gian hành trình dự kiến, thông tin về sự cố, tai nạn, tạm dừng khai thác và các thông tin khác liên quan đến giao thông trên đường cao tốc.

2. Thông tin thay đổi được cung cấp thông qua:

a) Biển báo hiệu trên đường cao tốc được bố trí khi có trường hợp đặc biệt. Những biển này phải tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về biển báo hiệu trên đường cao tốc;

b) Biển báo thông tin điện tử trên đường cao tốc phải tuân thủ các quy định hiện hành về biển báo thông tin điện tử trên đường cao tốc;

c) Các điểm cung cấp thông tin trên đường cao tốc: Trạm dừng nghỉ, trạm dịch vụ và các điểm cung cấp thông tin khác;

d) Sóng radio có tần số được cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

đ) Trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý đường cao tốc;

e) Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông trên đường cao tốc khi thực hiện công tác bảo trì đường cao tốc, khi xử lý tai nạn hoặc các sự cố trên đường.

Điều 17. Trung tâm quản lý điều hành giao thông khu vực

1. Trung tâm quản lý điều hành giao thông khu vực chịu trách nhiệm giám sát, điều hành hoạt động của các Trung tâm quản lý điều hành giao thông tuyến và điều hành giao thông khu vực thuộc phạm vi quản lý.

2. Trung tâm quản lý điều hành giao thông khu vực có nhiệm vụ:

a) Thu thập, xử lý và quản lý thông tin giao thông do các Trung tâm quản lý điều hành giao thông tuyến gửi về phục vụ mục đích giám sát, điều hành công tác đảm bảo an toàn giao thông các tuyến đường cao tốc thuộc phạm vi quản lý;

b) Chỉ đạo trực tiếp các đơn vị khai thác, bảo trì tuyến đường cao tốc trong khu vực tham gia hỗ trợ giải quyết các tai nạn, sự cố, sự kiện nghiêm trọng. Giám sát việc cung cấp thông tin từ Trung tâm quản lý điều hành giao thông tuyến trong quá trình thực hiện cứu hộ, cứu nạn;

c) Điều phối giao thông trên hệ thống đường cao tốc khu vực theo các phương án tổ chức giao thông đặc biệt được cấp thẩm quyền phê duyệt khi xảy ra các tình huống khẩn cấp, thiên tai thảm họa hoặc an ninh quốc phòng;

d) Phân phối thông tin cho các Trung tâm quản lý điều hành giao thông tuyến để thực hiện điều tiết tránh ùn tắc giao thông giữa các tuyến đường cao tốc, đường bộ trong khu vực;

đ)⁸ Kiểm tra việc thực hiện quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc trong phạm vi khu vực quản lý; xử lý hoặc phối hợp xử lý các sai phạm theo thẩm quyền;

e) Cung cấp cho người tham gia giao thông thông tin tư vấn hành trình và tình trạng giao thông, các hạn chế khai thác của các tuyến đường khác trong khu vực thông qua các hình thức: trên biển báo điện tử, sóng radio, truyền hình, bản đồ số và các dịch vụ cung cấp thông tin khác;

g) Quản lý, lưu trữ dữ liệu liên quan đến giao thông đường cao tốc trong khu vực phục vụ công tác quản lý quy hoạch, xây dựng kế hoạch phát triển và khai thác đường cao tốc do cơ quan quản lý đường cao tốc thực hiện.

3. Các Trung tâm quản lý điều hành giao thông khu vực được kết nối với nhau để chia sẻ thông tin, có mối quan hệ bình đẳng và phối hợp.

Điều 18. Trung tâm quản lý điều hành giao thông tuyến

1. Trung tâm quản lý điều hành giao thông tuyến chịu sự giám sát, điều hành của các Trung tâm quản lý điều hành giao thông khu vực; chịu trách

⁸ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

nhiệm vận hành hệ thống quản lý giám sát, điều hành giao thông trên đường cao tốc cụ thể.

2. Trung tâm quản lý điều hành giao thông tuyến có nhiệm vụ:

a) Thu thập và xử lý các loại thông tin giao thông trên tuyến bao gồm hình ảnh camera, dữ liệu dò xe, điều kiện thời tiết, thông tin phát hiện về tai nạn, sự cố, sự kiện và các hành vi vi phạm giao thông của người điều khiển phương tiện;

b) Giám sát và quản lý thông tin đối với các loại sự kiện liên quan xảy ra trên đường cao tốc dẫn đến ùn tắc giao thông, tai nạn, sự cố, thời tiết nguy hiểm; và các sự kiện có kế hoạch định trước như vị trí công trường, ngày lễ đặc biệt;

c) Cung cấp các loại thông tin chỉ dẫn thay đổi theo thời gian cho người tham gia giao thông như thời tiết, mật độ giao thông, tư vấn hành trình, thời gian hành trình dự kiến, thông tin về sự cố, tai nạn, tạm dừng khai thác và các thông tin liên quan đến giao thông trên đường cao tốc;

d) Tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin về tai nạn, sự cố phương tiện, sự cố công trình xảy ra trên đường cao tốc được báo về Trung tâm từ tất cả các nguồn cung cấp thông tin để điều động ngay lực lượng tuần đường, ứng cứu giao thông và thông báo cho cơ quan công an, các đội cứu hộ, cứu nạn và các lực lượng liên quan khẩn trương có mặt tại hiện trường thực hiện nhiệm vụ theo chức năng quy định;

đ) Lưu trữ tất cả các thông tin trên tuyến theo quy định hiện hành đối với các loại hồ sơ dạng văn bản. Lưu trữ vĩnh viễn đối với các thông tin điện tử về tai nạn, sự cố. Đối với các thông tin điện tử thường xuyên, tùy theo tính chất của thông tin, dữ liệu để lưu trữ đảm bảo mục tiêu quản lý theo quy định. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ điện tử phải được bảo quản an toàn trong môi trường thích hợp và chuyển đổi theo công nghệ phù hợp;

e) Chủ động thực hiện các biện pháp điều tiết giao thông từ xa nhằm đảm bảo an toàn giao thông như điều chỉnh làn xe chạy hoặc hạn chế tốc độ chạy xe trên đường cao tốc cho phù hợp với điều kiện giao thông thực tế;

g) Thu thập, lưu trữ và quản lý tập trung dữ liệu về giao thông của hệ thống thu phí và hệ thống kiểm tra tải trọng xe trên đường cao tốc;

h) Kết nối và truyền đầy đủ thông tin, dữ liệu giao thông về Trung tâm quản lý điều hành giao thông khu vực;

i) Tiếp nhận và cung cấp thông tin, thực hiện các phương án tổ chức giao thông đặc biệt theo sự chỉ đạo trực tiếp của Trung tâm quản lý điều hành giao thông khu vực trong các tình huống khẩn cấp;

k) Theo dõi hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị thuộc hệ thống quản lý giám sát, điều hành giao thông đường cao tốc.

Điều 19. Kết nối giữa Trung tâm điều hành giao thông khu vực và Trung tâm điều hành giao thông tuyến

1. Nội dung trao đổi dữ liệu giữa Trung tâm điều hành giao thông khu vực và Trung tâm điều hành giao thông tuyến, bao gồm: Dữ liệu hình ảnh giao

thông, dữ liệu thời tiết, dữ liệu nhận dạng phương tiện, thông tin sự kiện giao thông, thông tin chỉ dẫn điều khiển giao thông và các thông tin khác khi có yêu cầu cụ thể.

2. Việc kết nối, trao đổi dữ liệu giữa các Trung tâm điều hành giao thông khu vực và Trung tâm điều hành giao thông tuyến thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 20.⁹ (được bãi bỏ)

Chương III

BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC

Điều 21.¹⁰ (được bãi bỏ)

Điều 22.¹¹ (được bãi bỏ)

Điều 23.¹² (được bãi bỏ)

Điều 24.¹³ (được bãi bỏ)

Điều 25.¹⁴ (được bãi bỏ)

Điều 26. Phương án đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình bảo trì trên đường cao tốc đang khai thác

1. Phương án đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình bảo trì trên đường cao tốc đang khai thác, ngoài việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành còn phải tuân thủ các quy định sau đây:

⁹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

¹⁰ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

¹¹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

¹² Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

¹³ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

¹⁴ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

a) Các phương tiện, thiết bị thi công của đơn vị thi công:

Phải có phù hiệu thi công theo quy định, phải gắn đèn cảnh báo có phát tín hiệu chớp vàng, dán biểu tượng “xe thi công” có phản quang trước, sau và hai bên thành thiết bị;

Chỉ được phép di chuyển, làm việc trong giới hạn phạm vi công trường.

b) Nhân lực thực hiện công tác bảo trì:

Công nhân thi công mặc quần áo bảo hộ lao động có phản quang, đi giày, đội mũ bảo hộ lao động;

Cán bộ giám sát thi công mặc đồng phục có phản quang, đi giày, đội mũ bảo hộ lao động;

Chỉ hoạt động trong giới hạn phạm vi công trường;

Các nhân lực không đáp ứng yêu cầu sẽ bị các lực lượng chức năng, lực lượng tuần tra cưỡng chế ra khỏi phạm vi công trường.

c) Phạm vi công trường phải được cảnh báo trước và trong suốt thời gian thi công trên đường cao tốc và được thông tin trước tới người tham gia giao thông;

d) Đối với công việc bảo trì bắt buộc phải sử dụng phương tiện, thiết bị di chuyển tốc độ thấp chỉ được thực hiện trong điều kiện ban ngày, tầm nhìn không bị hạn chế. Trong quá trình thực hiện phải sử dụng xe cảnh báo có bố trí đầy đủ các thiết bị, tín hiệu cảnh báo trên xe lưu hành cùng chiều, cùng tốc độ, cùng làn đường với xe thực hiện công việc bảo trì và cách phương tiện, thiết bị thực hiện bảo trì một đoạn dài tối thiểu 100 m về phía ngược chiều xe chạy; trừ trường hợp xe chuyên dùng cho đường cao tốc đã bố trí thiết bị cảnh báo an toàn giao thông.

2. Đối với công tác sửa chữa định kỳ:

a) Phương án đảm bảo an toàn giao thông được lập trong hồ sơ thiết kế, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

b) Cơ quan quản lý đường cao tốc phê duyệt phương án đảm bảo an toàn giao thông đối với đường cao tốc được giao trực tiếp tổ chức quản lý, bảo trì;

c) Nhà đầu tư phê duyệt phương án đảm bảo an toàn giao thông đối với đường cao tốc do mình tổ chức thực hiện quản lý, bảo trì; thông báo tới cơ quan quản lý đường cao tốc kết quả.

Điều 27. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình bảo trì trên đường cao tốc đang khai thác

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện đảm bảo an toàn giao thông trong công tác bảo trì trên đường cao tốc đang khai thác trên phạm vi cả nước.

2. Tổng cục Đường bộ Việt Nam, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình bảo trì và việc chấp hành quy định trong giấy phép thi công trên đường cao tốc trong phạm vi quản lý;

b) Tạm dừng hoặc đình chỉ thi công khi phát hiện các hành vi vi phạm, không thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo quy định; đề nghị nhà đầu tư tạm dừng hoặc đình chỉ thi công đối với công trình do nhà đầu tư tổ chức thực hiện bảo trì;

c) Phối hợp với các lực lượng chức năng trong việc tổ chức thực hiện phương án đảm bảo an toàn giao thông.

3. Trách nhiệm của nhà đầu tư:

a) Kiểm tra việc thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông của đơn vị khai thác, bảo trì trên đường cao tốc trong phạm vi quản lý;

b) Phối hợp với các lực lượng chức năng trong việc tổ chức thực hiện phương án đảm bảo an toàn giao thông.

4. Trách nhiệm của đơn vị khai thác, bảo trì:

a) Lập phương án đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình bảo trì trên đường cao tốc trình cơ quan quản lý đường cao tốc hoặc nhà đầu tư phê duyệt trước khi tổ chức thi công;

b) Thực hiện theo phương án đảm bảo an toàn giao thông được phê duyệt;

c) Cung cấp thông tin về kế hoạch bảo trì tới Trung tâm điều hành giao thông khu vực, Trung tâm điều hành giao thông tuyến và người tham gia giao thông thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Xử lý chuyển tiếp

Đối với các công trình đường cao tốc đã đưa vào khai thác, sử dụng theo các quy định tạm thời của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan quản lý đường cao tốc, nhà đầu tư tiến hành rà soát, bổ sung và thực hiện đầy đủ các nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình theo quy định của Thông tư này, hoàn thành chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Điều 29.¹⁵ Hiệu lực thi hành

¹⁵ Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018./.”

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

Điều 30.¹⁶ Tổ chức thực hiện

1. Chánh văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vướng mắc, các tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản, gửi về Tổng cục Đường bộ Việt Nam để hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, giải quyết./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: **03** /VBHN-BGTVT

Hà Nội, ngày **06** tháng **9** năm 2018

KT. BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ
(để đăng Công báo);
- Bộ GTVT (Bộ trưởng; các Thứ trưởng);
- Tổng cục Đường bộ VN;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ GTVT
(để đăng tải);
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, PC (02).



Lê Đình Thọ

¹⁶ Điều 2 Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 quy định như sau:

"Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**TÊN NHÀ ĐẦU TƯ/
CHỦ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

Tên địa phương, ngày ... tháng ... năm

TỜ TRÌNH**Đề nghị công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác**

Kính gửi: *(Cấp có thẩm quyền)*⁽¹⁾

Căn cứ Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc;

Căn cứ Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

(Tên nhà đầu tư, chủ đầu tư) trình *(Cấp có thẩm quyền)* công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác với các nội dung như sau:

I. Thông tin chung về công trình:

1. Tên công trình:
2. Địa điểm xây dựng:
3. Quy mô công trình: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình)
4. Cấp công trình:
5. Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư và thông tin liên lạc (điện thoại, địa chỉ...):
6. Nguồn vốn đầu tư:
7. Ngày khởi công/ngày hoàn thành (theo Biên bản nghiệm thu):
8. Các thông tin khác có liên quan:

II. Danh mục hồ sơ gửi kèm bao gồm:

1. Báo cáo thẩm định an toàn giao thông (nếu có);
2. Phương án tổ chức giao thông đã được phê duyệt;
3. Các văn bản pháp lý liên quan khác.

(Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư) trình (Cấp có thẩm quyền) xem xét, chấp thuận đưa công trình (tên đường cao tốc) vào khai thác với các nội dung nêu trên./

**ĐẠI DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU
TƯ**

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

(1) Cấp có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**TÊN NHÀ ĐẦU TƯ/
CHỦ ĐẦU TƯ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Tên địa phương, ngày ... tháng ... năm

TỜ TRÌNH

Đề nghị phê duyệt phương án tổ chức giao thông

Kính gửi: *(Cấp có thẩm quyền)*⁽¹⁾

Căn cứ Điều 6 Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc;

Căn cứ Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

(Tên nhà đầu tư, chủ đầu tư) trình (Cấp có thẩm quyền) phê duyệt Phương án tổ chức giao thông (tên công trình đường cao tốc) với các nội dung như sau:

I. Thông tin chung về công trình:

1. Tên công trình:
2. Địa điểm xây dựng:
3. Quy mô công trình: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình)
4. Cấp công trình:
5. Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư và thông tin liên lạc (điện thoại, địa chỉ...):
6. Nguồn vốn đầu tư:
7. Ngày khởi công/ngày hoàn thành (theo Biên bản nghiệm thu):
8. Các thông tin khác có liên quan:

II. Danh mục hồ sơ gửi kèm bao gồm:

1. Hồ sơ phương án tổ chức giao thông;
2. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác, sử dụng;
3. Các văn bản pháp lý liên quan khác.

(Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư) trình (Cấp có thẩm quyền) xem xét, phê duyệt Phương án tổ chức giao thông (tên đường cao tốc) với các nội dung nêu trên./.

ĐẠI DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

(1) Cấp có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.